

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----* * *-----

-:-

Bản án số: 03/2023/DS - ST

Ngày: 04/5/2023.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ,
TỈNH QUẢNG NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Quang Vinh

Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hiền và ông Trần Ngọc Chiến

- T ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Trang - T ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Quỳnh Loan - kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐ-HPT, ngày 05/4/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà **Vũ Thị Thuý N**; sinh năm: 1957; nơi cư trú: tổ x, khu y, phường Giếng Đ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: anh **Nguyễn Thế M**; sinh năm: 1996; nơi cư trú: thôn C, xã Vũ O, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt.

* Bị đơn: chị **Kiều Thị T**; sinh ngày: 31/7/1972; nơi cư trú: số g, tổ h, khu z, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh **Nguyễn Văn T2**, sinh ngày 23/9/1970; địa chỉ: số g, tổ h, khu z, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt, không có lý do.

* Người làm chứng: bà **Vũ Thị N2**, sinh ngày: 20/02/1960; nơi cư trú: tổ o, khu Phan Đình P, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nội dung vụ án theo như người đại diện cho nguyên đơn trình bày như sau:** Bà Vũ Thị Thuý N và chị Kiều Thị T có mối quan hệ quen biết, ngày 01/02/2019, bà Vũ Thị Thuý N có cho chị Kiều Thị T vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) không xác định thời hạn, lãi suất theo thỏa thuận. Khi vay tiền thì chị T có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 01/02/2019 và có ghi cả tên chồng là Nguyễn Văn T2 vào bên vay tiền. Tuy nhiên từ khi nhận được tiền của bà N cho vay đến nay, chị T không trả được bất kỳ khoản tiền gốc lãi nào cho bà N. Bà N đã nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T không thực hiện. Ngày 24/8/2022 bà N chính thức có thông báo gửi cho chị T yêu cầu chị T phải trả nợ cho bà nhưng chị T không trả nợ. Đến nay, bà N yêu cầu Toà án:

- Buộc chị Kiều Thị T trả cho bà Vũ Thị Thuý N số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) mà chị T đã vay bà N theo Giấy vay tiền ngày 01/02/2019;

- Buộc chị T trả cho bà N số tiền lãi với lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm tính đến hết ngày 04/5/2023 là 85.095.890 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/5/2023 trên dư nợ gốc cho đến khi chị Kiều Thị T trả hết nợ.

Đối với chồng chị Kiều Thị T là anh Nguyễn Văn T2, khi vay tiền của bà N, chị T có nói là vay tiền cùng chồng để kinh doanh, nhưng trên thực tế bà N không giao dịch gì với anh T2, việc giao nhận tiền cũng chỉ là giữa bà N với chị T, anh T2 cũng không ký tên vào giấy vay tiền nên bà N chỉ đòi tiền nợ đối với chị T.

*** Bị đơn chị Kiều Thị T trình bày:** chị T quen biết bà Vũ Thị Thúy N qua bà Vũ Thị N2 (là em gái của bà N). Ngày 01/02/2019, chị T có vay của bà N số tiền 200.000.000đ, chị có viết giấy tay đề Giấy vay tiền như trình bày của bà N và chính là Giấy vay tiền viết tay trong hồ sơ vụ án. Khi chị T viết Giấy vay tiền thì bà N yêu cầu viết cả tên chồng chị T là anh Nguyễn Văn T2 vào bên vay nhưng anh T2 không vay tiền, không biết việc chị T vay tiền bà N và không được sử dụng tiền vay. Giấy vay tiền có ghi là lãi suất thỏa thuận nhưng thực tế bà N yêu cầu chị T phải trả lãi 12.000.000đ/tháng tương đương lãi suất 06%/tháng. Chị T đã trả cho bà N nhiều lần tiền lãi và tiền gốc, mỗi lần trả từ 10 triệu đến 30 triệu nhưng chị T không có chứng cứ gì, chị T cũng không nhớ được cụ thể thời gian trả nợ, diễn biến các lần trả nợ diễn ra như thế nào, chị T chỉ nhớ được là các lần trả nợ đều diễn ra tại nhà bà N, không có ai chứng kiến và chị T đưa cho bà N tiền mặt mà không viết giấy tờ gì do chị tin tưởng bà N. Chị T nhớ được là đã trả cho bà N khoảng 100.000.000đ tiền gốc nên nay chị T chỉ chấp nhận trả cho bà N 100.000.000đ tiền gốc với phương thức trả dần 2.000.000đ/tháng, đối với tiền lãi thì chị xin bà N miễn cho chị. Chị T đề nghị không cần thiết phải đối chất với bà N vì chị T không còn nhớ được cụ thể các lần trả nợ và không có chứng cứ nào khác để chứng minh đã trả nợ nên nếu có đối chất thì cũng không có kết quả gì.

*** Người làm chứng bà Vũ Thị N2 trình bày tại bản tự khai như sau:** Tôi với chị T là bạn bè khoảng hơn 20 năm nay, quen biết trong hoàn cảnh nào thì tôi không còn nhớ. Khoảng đầu năm 2019 chị T có hỏi vay tôi 200.000.000đ nhưng tôi không có và bảo chị T hỏi vay chị N là chị gái của tôi. Sau đó tôi dẫn chị T sang gặp chị N để chị T hỏi vay tiền và chị N đồng ý cho vay nhưng chưa cho vay ngay. Sau đó tôi và chị T về lại Cẩm Phả, chị T viết giấy vay tiền rồi lại cùng tôi sang gặp chị N và đưa giấy vay tiền cho chị N. Khi chị T đưa giấy vay tiền cho chị N thì tôi chứng kiến nhưng khi giao tiền lúc nào thì tôi không chứng kiến. Khoảng 2 ngày sau thì chị N gọi điện thông báo cho tôi là đã giao tiền 200.000.000đ cho chị T vay. Sau này qua quá trình chị N đòi tiền chị T nhiều lần thì đều thông báo cho tôi và tôi được biết chị T có đề nghị trả dần cho chị N 1.000.000đ/tháng nhưng chị N không đồng ý. Gần đây nhất sau khi biết chị N khởi kiện chị T ra Tòa án thì tôi có gọi điện cho chị T và chị T có nói với tôi là đề nghị trả dần cho chị N 2.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết 200.000.000đ. Tôi có nói với chị T là cứ ra Tòa án làm việc rồi thỏa thuận với chị N tại Tòa án nhưng chị T cũng nói với tôi là không bao giờ ra Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*** Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở ngày 05/4/2023, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do,

phiên tòa phải hoãn. Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy phiên tòa hôm nay xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:** Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, có quan điểm nếu bị đơn chấp nhận trả số tiền vay gốc là 200.000.000đ thì sẽ miễn cho toàn bộ tiền lãi, bị đơn giữ nguyên quan điểm chỉ còn nợ 100.000.000 đ và đề nghị trả dần 2.000.000đ/tháng, xin được miễn tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn trình bày có cho bị đơn vay số tiền 200.000.000đ không xác định thời hạn trả nợ. Trình bày của nguyên đơn được chứng minh bằng “Giấy vay tiền” viết tay đề ngày 01/02/2019, theo trình bày của nguyên đơn là do bị đơn viết và ký tên. Sau nhiều lần đòi nợ không được, ngày 24/8/2022 nguyên đơn chính thức có thông báo gửi cho bị đơn yêu cầu trả nợ. Các trình bày của nguyên đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng và được bị đơn thừa nhận nên có căn cứ chấp nhận trình bày của nguyên đơn về việc cho bị đơn vay số tiền 200.000.000đ và đã yêu cầu trả nợ là đúng.

Nguyên đơn trình bày việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất cụ thể phù hợp với nội dung Giấy vay tiền do bị đơn viết tay. Bị đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 12.000.000đ / tháng tương đương 06%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh nên không chấp nhận trình bày của bị đơn về tiền lãi mà có căn cứ chấp nhận trình bày của nguyên đơn về việc vay mượn có lãi suất nhưng không thỏa thuận cụ thể.

Nguyên đơn trình bày việc bị đơn chưa trả được tiền lãi và tiền gốc lần nào phù hợp với lời khai của người làm chứng. Bị đơn trình bày đã trả nhiều lần tiền lãi và tiền gốc, mỗi lần trả từ 10 triệu đến 30 triệu, đến nay chỉ còn nợ 100.000.000đ tiền gốc nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền nên không có căn cứ chấp nhận các trình bày của bị đơn.

Giữa lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn có sự mâu thuẫn về lãi suất và về việc trả nợ tiền gốc lãi, tuy nhiên bị đơn có quan điểm không cần thiết phải đối chất với nguyên đơn vì lý do bị đơn không có chứng cứ gì nên đối chất sẽ không có kết quả. Quan điểm này của bị đơn là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lý do đó có căn cứ chấp nhận các trình bày của nguyên đơn là đúng từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay là 200.000.000đ.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chịu tiền lãi theo lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bị đơn không chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 200.000.000đ mà chỉ chấp nhận trả 100.000.000đ nên cần buộc bị đơn phải chịu tiền lãi theo yêu cầu nguyên đơn với lãi suất 10%/năm. Tiền lãi của số tiền vay gốc 200.000.000đ từ ngày vay tiền (01/02/2019) đến hết ngày xét xử (04/5/2023) là 85.095.890 đồng. Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 05/5/2023 đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là đúng quy định nên chấp nhận.

[3] Đối với anh Nguyễn Văn T2 là chồng chị Kiều Thị T có tên trong “Giấy vay tiền” nên Tòa án đã cho tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Anh T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không

có ý kiến gì và không đến làm việc theo tại các lần Tòa án triệu tập nên không ghi nhận được quan điểm của anh T2. Tuy nhiên do anh T2 không ký trong “Giấy vay tiền”, nguyên đơn xác nhận không cho anh T2 vay tiền mà chỉ cho bị đơn vay tiền, trong khi giao dịch vay tiền thì anh T2 không có mặt và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ. Bị đơn cũng xác nhận anh T2 không liên quan đến việc bị đơn vay tiền nguyên đơn. Vì thế không có căn cứ xác định anh T2 liên quan đến việc vay tiền.

[4]. Về án phí: các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án, về quan điểm giải quyết vụ án đại diện VKS có quan điểm: chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền là 285.095.890 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi đồng); trong đó có 200.000.000 đồng tiền gốc và 85.095.890 đồng tiền lãi. Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền nợ gốc từ ngày 05/5/2023 đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Về án phí: Bị đơn phải chịu 14.254.000đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi tư ngàn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKS tỉnh QN
- VKSND TP Cẩm Phả
- Chi cục THA TP Cẩm Phả
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Quang Vinh